

Số: 861/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 738/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2025 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh ngày 28/5/1995; CCCD số: 038195009965

Địa chỉ: **Số 1 đường A, phường B, quận B, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Lê Sỹ H1**, sinh ngày 27/9/1992; CCCD số: 038092029871

Hộ chiếu số: C4348298 cấp ngày 09/01/2018

Thường trú: **Phố Tế Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa**

Địa chỉ nơi làm việc: Japan-aichi ken-anjou Shi-izumi cho-kitahongou 89-3

Địa chỉ: **Số 1 đường A, phường B, quận B, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ cáo các Điều 55, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh ngày 28/5/1995; CCCD số: 038195009965

Địa chỉ: **Số 1 đường A, phường B, quận B, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Lê Sỹ H1**, sinh ngày 27/9/1992; CCCD số: 038092029871

Hộ chiếu số: C4348298 cấp ngày 09/01/2018

Thường trú: **Phố Tế Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa**

Địa chỉ nơi làm việc: Japan-aichi ken-anjou Shi-izumi cho-kitahongou 89-3

Địa chỉ: **Số 1 đường A, phường B, quận B, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị H** và ông **Lê Sỹ H1**. Quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **H1** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2020, do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/01/2020, chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ **Lê Ngọc Mai C**, sinh ngày 28/01/2023 cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **H1** đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Ông **H1** thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 03 hàng tháng. Thi hành từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành.

Ông **H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà **H** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **H1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông **H1** lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông **H1**.

Trong trường hợp bà **H** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông **H1** hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà **H** có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông **H1** chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm : 300.000 đồng (Trong đó 150.000 đồng là án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng là án phí cấp dưỡng nuôi con) bà **Lê Thị H** tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0034324 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Lê Thị H** đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- **TAND TP . HCM;**
- **VKSND TP . HCM;**
- VKSND KV9;TPHCM;
- UBND nơi ĐKKH ;
- **THADS TP . HCM;**
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương